

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/DS-ST
Ngày: 28 – 01 – 2022.
“V/v tranh chấp: Hợp đồng mua
bán tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Thạch Văn Mến.

2/ Ông Hà Hùng Kiệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Sa The – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 28 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn H, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Ông Lê Út L, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã L, huyện T, tỉnh S.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lâm Kiều N, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã L, huyện T, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/3/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 31/5/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết án, nguyên đơn ông Trần Văn H trình bày:

Trước đây ông Trần Văn H nhiều lần bán tôm cho ông Lê Út L với thỏa thuận là trả tiền mặt khi cân tôm xong. Ông L đã thực hiện đúng theo thỏa thuận. Nhưng đến ngày 17/10/2020, sau khi cân tôm xong với số lượng 7.673,5kg với số tiền là 681.028.000đ (Sáu trăm tám mươi một triệu, không trăm hai mươi tám nghìn đồng) thì ông L chỉ trả được 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) còn nợ lại 281.028.000đ (Hai trăm tám mươi một triệu, không trăm hai mươi tám nghìn đồng). Ông L hứa hẹn nhiều lần nhưng không trả. Đến ngày 23/02/2021 ông L có ký “tờ cam kết” hẹn vào ngày 12/3/2021 sẽ trả đủ nhưng đến hẹn ông L không trả mà còn thách thức ông H đi kiện.

Nay ông Trần Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Yêu cầu ông Lê Út L và vợ là bà Lâm Kiều N cùng có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền nợ gốc là 281.000.000đ (Hai trăm tám mươi một triệu đồng) và tiền lãi chậm trả tương ứng với lãi suất 1,5%/tháng kể từ ngày 12/3/2021 cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn ông Lê Út L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Kiều N không có lời trình bày do vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành Thông báo thụ lý số 39/TB-TLVA ngày 08 tháng 4 năm 2021 và Thông báo về việc thụ lý vụ án bổ sung số 06/TB-TLVA ngày 01 tháng 6 năm 2021, tổng đạt hợp lệ cho ông Lê Út L và bà Lâm Kiều N nhưng ông L và bà N không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với ông L và bà N để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông L và bà N đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã lập biên bản về việc vắng mặt, không tiến hành hòa giải được. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Nguyên đơn ông Trần Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Út L, bà Lâm Kiều N (vợ ông L) có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ do mua hàng. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản”.

- Tại phiên tòa hôm nay bà Lâm Kiều N mặc dù đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do; ông Trần Văn H vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung vụ án:

- Xét về hình thức và nội dung của hợp đồng mua bán tài sản giữa ông Trần Văn H với ông Lê Út L là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự.

- Xét về quá trình thực hiện hợp đồng: Quá trình mua bán ông Trần Văn H đã giao hàng xong còn ông L đã nhận hàng và thanh toán được một phần, còn nợ lại 281.000.000đ (Hai trăm tám mươi một triệu đồng).

[3] Qua những lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Vào ngày 17/10/2020, ông Lê Út L có mua 7.673,5kg tôm với số tiền là 681.028.000đ (Sáu trăm tám mươi một triệu, không trăm hai mươi tám nghìn đồng), ông L đã thanh toán được 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) còn nợ lại 281.000.000đ (Hai

trăm tám mươi một triệu đồng – các bên thống nhất làm tròn). Ông L hẹn đến ngày 12/3/2021 sẽ trả đủ nhưng không thực hiện.

Tại Tòa ông Lê Út L thừa nhận có nợ ông H số tiền như đã nêu trên nhưng xin trả dần. Như vậy có đủ cơ sở để kết luận ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự. Do đó ông H yêu cầu ông L phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ là có căn cứ. Xét thấy việc ông L chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ làm ảnh hưởng đến sự luân phiên dòng vốn gây thiệt hại về kinh tế cho ông H. Vì vậy ông H yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật trên số tiền còn nợ kể từ ngày 12/3/2021 đến khi kết thúc vụ việc là có căn cứ chấp nhận. Theo quy định của Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì lãi suất trong trường hợp này không vượt quá 10%/năm (0,833%/tháng). Đối với lãi suất chậm trả, ông H yêu cầu tính lãi 1,5%/tháng là chưa phù hợp với quy định pháp luật nên cần điều chỉnh lại. Số tiền lãi được tính cụ thể như sau: $281.000.000đ \times 0,833\%/tháng (10\%/năm) \times 10 \text{ tháng} + 16 \text{ ngày}$ (Tính đến ngày xét xử, ngày 28/01/2022) = 24.655.684đ (Hai mươi bốn triệu, sáu trăm năm mươi lăm nghìn, sáu trăm tám mươi bốn đồng).

Như vậy tổng số tiền ông L phải thanh toán cho ông H tính đến ngày 28/01/2022 là 281.000.000đ (gốc) + 24.655.684đ (lãi) = 305.655.684đ (Ba trăm lẻ năm triệu, sáu trăm năm mươi lăm nghìn, sáu trăm tám mươi bốn đồng).

[4] Đối với bà Lâm Kiều N (vợ ông L) quá trình giao dịch bà N không trực tiếp giao dịch nhưng bà N biết rõ công việc làm ăn của chồng và việc thu mua tôm của ông L là hợp đồng giao dịch hợp pháp, mục đích thu mua tôm của ông L để có thêm thu nhập nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Theo Điều 27 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, quy định về trách nhiệm liên đới của vợ chồng và vợ hoặc chồng phải có nghĩa vụ chung về tài sản. Như vậy mặc dù bà N không trực tiếp giao dịch nhưng bà N cũng phải có nghĩa vụ liên đới cùng với ông L hoàn trả số tiền nợ là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó ông H yêu cầu Tòa án buộc cả bà N và ông L cùng có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nợ là có căn cứ.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải liên đới chịu án phí theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 430, Điều 440, Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.
2. Buộc vợ chồng ông Lê Út L, bà Lâm Kiều N có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Trần Văn H tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (28/01/2022) là 305.655.684đ (Ba trăm lẻ năm triệu, sáu trăm năm mươi lăm nghìn, sáu trăm tám mươi bốn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Trần Văn H cho đến khi thi hành án xong mà ông L, bà N chậm trả tiền thì còn phải liên đới trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Vợ chồng ông Lê Út L, bà Lâm Kiều N phải liên đới nộp 15.282.784đ (Mười lăm triệu, hai trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm tám mươi bốn đồng) tiền án phí.

- Ông Trần Văn H không phải chịu án phí. Ông H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.025.000đ (Bảy triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0007831 ngày 06/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S.

Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-VKSND huyện T;
-Chi cục THA huyện T;
-TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
-Các đương sự.
-Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng